

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày 13-6-2024
V/v “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Việt Thanh.
- Ông Huỳnh Văn Kiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2024/TLST-DS, ngày 22 tháng 03 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật:

- SOMYOT NGERNDAMRONG, sinh năm 1966, Giới tính: Nam; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- KANOKWATPAISAL NAPAT, sinh năm 1972, Giới tính: Nam; Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Trần Thanh L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số I, đường T, tổ A, khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền số 262/2023/UQ-SVN, ngày 25/10/2023).

- Bị đơn: Nguyễn Bình T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Trần Thanh L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Nguyễn Bình T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, văn bản ý kiến nguyên đơn là Công ty cổ phần S tiền có ngay, có chi Trần Thanh L là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 28/01/2021, anh Nguyễn Bình T có ký hợp đồng vay của Công ty TNHH S1 (khi đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/10/2023 có tên là Công ty cổ phần S tiền có ngay) - Chi nhánh C, số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/01/2022, mục đích vay tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1,1%/tháng, Phí thẩm định tài sản 04%/tháng, Lãi suất quá hạn 150% lãi suất theo quy định và anh Nguyễn Bình T có nghĩa vụ thanh toán tiền theo định kỳ hàng tháng với số tiền 2.269.252 đồng/tháng, kể từ ngày 28/02/2021 đến tháng 01/2022.

Khi vay tiền anh Nguyễn Bình T thế chấp tài sản là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Loại WINNER, Biển số xe: 66P1-956.82 mang tên anh Nguyễn Bình T do Phòng C1 Công an tỉnh Đ cấp ngày 13/02/2018 đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Do nhu cầu đi lại, phụ vụ công việc, ngày 28/01/2021, anh Nguyễn Bình T đã có đơn xin mượn lại chiếc xe và cam kết thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/02/2021, Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận. Công ty đã đồng ý cho anh T mượn tài sản nêu trên và thống nhất cam kết của anh T.

Kể từ ngày ký hợp đồng Công ty TNHH S1 đã giải ngân cho anh T nhận số tiền là: 20.000.000 đồng và anh Nguyễn Bình T đã thanh toán tổng số tiền là: 16.537.000 đồng, trong đó tiền gốc 10.211.059 đồng và tiền lãi là 1.538.733 đồng, phí là 4.787.2086 đồng.

Đến ngày 30/10/2021, anh T không thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận cho Công ty TNHH S1 nữa. Như vậy, anh Nguyễn Bình T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần yêu cầu và gửi thông báo nhắc nhở và tạo điều kiện cho anh Nguyễn Bình T có thời gian trả nợ nhưng anh Nguyễn Bình T vẫn không trả.

Nay Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu anh Nguyễn Bình T trả số tiền gốc 9.788.941 đồng và tiền lãi trong hạn với lãi suất 1,1%/tháng từ ngày 30/10/2021 đến ngày 28/01/2022, với số tiền là 3.434.939 đồng; tiền lãi quá hạn với lãi suất 150%/năm từ ngày từ ngày 29/01/2022 đến ngày 13/6/2024, với số tiền là 1.988.512 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi (tính tròn số) là 15.212.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nợ.

Công ty cổ phần S tiền có ngay có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Nguyễn Bình T trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản. Đối với tài sản thế chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Quá trình tố tụng và tại phiên toà bị đơn Nguyễn Bình T trình bày:

Anh **T** thừa nhận, ngày 28/01/2021 anh **T** có ký hợp đồng vay số tiền 20.000.000 đồng của **Công ty cổ phần S** tiền có ngay và anh **T** đã nhận số tiền này tiền xong, khi vay anh **T** thế chấp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Loại WINNER, Biển số xe: 66P1-956.82 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Sau đó anh **T** đã nhận lại xe để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Sau khi vay anh **T** đã trả cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay số tiền gốc, lãi và tiền phí tính đến ngày 28/8/2021 tổng cộng là 16.537.000 đồng. Sau đó anh **T** không trả tiền cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay nữa, lý do dịch bệnh Covid 19 không có việc làm nên không có tiền trả và **Công ty cổ phần S** tiền có ngay đến nhà yêu cầu anh **T** trả nợ nhưng do số tiền quá cao nên anh **T** không trả tiền cho đến nay.

Nay anh **Nguyễn Bình T** chỉ đồng ý trả cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay, tiền nợ gốc là 9.788.941 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,1%/tháng kể từ ngày 28/8/2021 đến ngày xét xử ngày 13/6/2024 với số tiền là 3.607.224 đồng (9.788.941 đồng x 1,1%/tháng x 33 tháng 15 ngày). Anh **Nguyễn Bình T** không đồng ý trả tiền lãi quá hạn số tiền là 1.988.512 đồng theo yêu cầu của **Công ty cổ phần S** tiền có ngay. Ngoài ra không, ý kiến, không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là **Công ty cổ phần S** tiền có ngay, khởi kiện yêu cầu bị đơn là **Nguyễn Bình T** trả số tiền vay nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là **Nguyễn Bình T** có nơi cư trú tại **tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, có văn bản ý kiến kèm theo. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn là **Công ty cổ phần S** tiền có ngay yêu cầu anh **Nguyễn Bình T** trả số tiền gốc 9.788.941 đồng và tiền lãi trong hạn với lãi suất 1,1%/tháng từ ngày 30/10/2021 đến ngày 28/01/2022, với số tiền là 3.434.939 đồng; tiền lãi quá hạn với lãi suất 150%/năm từ ngày từ ngày 29/01/2022 đến ngày

13/6/2024, với số tiền là 1.988.512 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi (tính tròn số) là 15.212.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nợ.

Công ty cổ phần S tiền có ngay có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Nguyễn Bình T trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản. Đối với tài sản thế chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn là anh Nguyễn Bình T chỉ đồng ý trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay, tiền nợ gốc là 9.788.941 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,1%/tháng kể từ ngày 28/8/2021 đến ngày xét xử ngày 13/6/2024 với số tiền là 3.607.224 đồng (9.788.941 đồng x 1,1%/tháng x 33 tháng 15 ngày). Anh Nguyễn Bình T không đồng ý trả tiền lãi quá hạn số tiền là 1.988.512 đồng theo yêu cầu của Công ty cổ phần S tiền có ngay. Ngoài ra không, ý kiến, không yêu cầu gì thêm.

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu anh Nguyễn Bình T trả số tiền nợ gốc là 9.788.941 đồng.

Anh Nguyễn Bình T thống nhất đồng ý trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tiền nợ gốc là 9.788.941 đồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi:

Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu anh Nguyễn Bình T trả số tiền lãi trong hạn với lãi suất 1,1%/tháng từ ngày 30/10/2021 đến ngày 28/01/2022, với số tiền là 3.434.939 đồng; tiền lãi quá hạn với lãi suất 150%/năm từ ngày 29/01/2022 đến ngày 13/6/2024, với số tiền là 1.988.512 đồng

Bị đơn là anh Nguyễn Bình T chỉ đồng ý trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay, tiền lãi với lãi suất 1,1%/tháng kể từ ngày 28/8/2021 đến ngày xét xử ngày 13/6/2024 với số tiền là 3.607.224 đồng (9.788.941 đồng x 1,1%/tháng x 33 tháng 15 ngày). Anh Nguyễn Bình T không đồng ý trả tiền lãi quá hạn số tiền là 1.988.512 đồng theo yêu cầu của Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Xét thấy, theo hợp đồng ngày 28/01/2021 giữa công ty cổ phần S tiền có ngay và anh Nguyễn Bình T có thoả thuận tiền lãi trong hạn với lãi suất là 1,1%/tháng và tiền lãi quá hạn là 150% theo quy định.

Anh Nguyễn Bình T đồng ý trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay, tiền lãi với lãi suất 1,1%/tháng kể từ ngày 28/8/2021 đến ngày xét xử ngày 13/6/2024 với số tiền là 3.607.224 đồng (9.788.941 đồng x 1,1%/tháng x 33 tháng 15 ngày) là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Đối với tiền lãi quá hạn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hợp đồng ngày 28/01/2021 giữa công ty cổ phần S tiền có ngay và anh Nguyễn Bình T có thoả thuận tiền lãi quá hạn là 150% theo quy định và thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/01/2022. Do đó đến ngày 28/01/2022 anh Nguyễn Bình T chưa trả tiền gốc và lãi trong hạn, đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải trả tiền lãi kể từ ngày 28/01/2022.

Theo Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

“Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

.....

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.....”

Anh T thừa nhận từ 28/8/2021 cho đến nay không trả tiền lãi cho công ty cổ phần S tiền có ngay.

Từ những phân tích và quy định nêu trên, Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu anh Nguyễn Bình T trả số tiền quá hạn với lãi suất 150%/năm từ ngày 29/01/2022 đến ngày 13/6/2024, với số tiền là 1.988.512 đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Công ty cổ phần S tiên có ngay, có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Nguyễn Bình T trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiên có ngay về việc yêu cầu Nguyễn Bình T trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản.

[2.4] Đối với tài sản thế chấp là xe máy hiệu WINER, biển số xe 66P1 – 956.82 để đảm bảo nghĩa vụ, Công ty cổ phần S tiên có ngay không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ Luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiên có ngay về việc yêu cầu anh Nguyễn Bình T trả số tiền gốc 9.788.941 đồng và tiền lãi trong hạn với số tiền là 3.434.939 đồng; tiền lãi quá hạn với số tiền là 1.988.512 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 15.212.000 đồng.

2. Buộc anh Nguyễn Bình T có nghĩa vụ phải trả cho Công ty cổ phần S tiên có ngay số tiền tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 15.212.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiên có ngay về việc yêu cầu Nguyễn Bình T trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh **Nguyễn Bình T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 761.000 đồng.

Công ty cổ phần S tiền có ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 616.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0009577, ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phạm Thanh Hiền